

## **Bài 43. MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ**

### **I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC**

Qua bài học, HS cần nắm được :

– Vị trí và phạm vi lãnh thổ của miền

Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ (gọi tắt là miền Nam – M3), bao gồm toàn bộ lãnh thổ phía nam nước ta, từ Đà Nẵng tới Cà Mau và từ Hoàng Sa, Trường Sa tới Thổ Chu, Phú Quốc. Diện tích của miền là 165 000 km<sup>2</sup> bằng 49,7% diện tích cả nước.

– Các đặc điểm nổi bật về tự nhiên của miền

+ Khí hậu : Nhiệt đới gió mùa điển hình nóng quanh năm.

+ Địa hình chia thành 3 khu vực rõ rệt :

- Khu vực núi và cao nguyên Trường Sơn Nam hùng vĩ với các cao nguyên xếp tầng mặt phủ badan.
- Khu vực đồng bằng chân núi – ven biển Nam Trung Bộ nhỏ hẹp nhiều đầm phá, vũng, vịnh.
- Khu vực đồng bằng Nam Bộ rộng lớn.

+ Tài nguyên phong phú và tập trung, dễ khai thác (đất đỏ badan ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, đất phù sa ở Tây Nam Bộ, quặng bôxít trên Tây Nguyên và dầu khí ngoài thềm lục địa).

– Ôn tập một số kiến thức đã học

+ Nền cổ Kon Tum

+ Vùng sụt võng Tân sinh Tây Nam Bộ

+ Cao nguyên đất đỏ badan

+ So sánh 2 đồng bằng

+ Rừng ngập mặn, ven biển, rừng thưa rụng lá (rừng khộp)

+ Các tài nguyên : khoáng sản, đất, rừng, biển.

### **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC**

#### **1. Tính chất nhiệt đới gió mùa điển hình**

– Nhiệt độ trung bình năm cao (25 – 27<sup>o</sup>C), tổng nhiệt độ lớn hơn 9000<sup>o</sup>C.

– Mùa khô nóng, kéo dài 6 tháng. Mưa ít và bốc hơi mạnh dễ gây hạn hán và cháy rừng.

– Biên độ nhiệt năm nhỏ từ 4 – 7°C.

– Ảnh hưởng của gió mùa đông bắc rất yếu và chỉ thể hiện trên phạm vi hẹp (khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ) gây ra mưa lớn vào thu đông.

## **2. Mối quan hệ địa chất kiến tạo và địa hình**

– Trong lịch sử phát triển của miền, khối nền cổ Kon Tum có vai trò hết sức quan trọng. Trong đại Cổ sinh khối nền này đã được mở rộng thêm với những mạch núi bao quanh (Bạch Mã, Lang Biang) hình thành trong vận động kiến tạo Hercini.

– Hoạt động Tân kiến tạo làm cho khối nền này bị gãy vỡ thành từng khối cao nguyên và được nâng lên với cường độ khác nhau, đồng thời cũng có những khu vực sụt lún lớn.

Khu vực sụt lún hạ lưu sông Mê Công đã tạo điều kiện hình thành đồng bằng sông Cửu Long.

## **3. Cấu trúc địa hình**

Địa hình miền này phân thành ba khu vực rõ rệt (như đã nêu ở trên), trong đó nổi lên là địa hình các cao nguyên xếp tầng mặt phủ badan (gần 2 triệu ha) và các đồng bằng rộng lớn.

a) Khu vực Trường Sơn Nam là hệ thống núi, cao nguyên và những đồng bằng giữa núi. Trong khu vực này nổi bật là các cao nguyên badan sau đây :

– Cao nguyên Kon Plông và cao nguyên Kon Hà Nừng ở phía bắc Kon Tum cao từ 900 – 1300 m (gọi chung là cao nguyên Kon Tum).

– Cao nguyên Plây Ku (còn gọi là cao nguyên Gia Lai) ở phía nam Kon Tum cao 750 – 800 m.

– Cao nguyên Buôn Ma Thuột (cao nguyên Đăk Lăk) ở độ cao 300 – 800 m và rất bằng phẳng.

– Cao nguyên Di Linh cao khoảng 800 – 1000 m.

– Cao nguyên Đăk Nông (Mơ Nông) cao 800 – 1000 m.

Riêng cao nguyên Đà Lạt (hay Lâm Viên) có độ cao khoảng 1500 m cấu tạo chủ yếu bằng đá granit và biến chất, tỉ lệ đá badan rất ít.

b) Khu vực phía đông của Nam Trung Bộ là một dải đồng bằng chân núi – ven biển rất nhỏ hẹp. Các sông phía đông Trường Sơn Nam đều ngắn, dốc, ít phù sa. Biển lấn vào sát chân núi và đáy biển lại rất sâu không còn chỗ cho đồng bằng phát triển, mở rộng. Từ bắc vào nam có thể kể tới :

- Đồng bằng Quảng Nam 1450 km<sup>2</sup>.
- Đồng bằng Quảng Ngãi 1200 km<sup>2</sup>.
- Đồng bằng Bình Định 1750 km<sup>2</sup>.
- Đồng bằng Phú Yên 820 km<sup>2</sup>.

### III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ tự nhiên miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Hình ảnh, băng, đĩa hình về thiên nhiên đất, rừng và cuộc sống nhân dân phương Nam. Trước hết là các khu vực Tây Nguyên, đồng bằng Nam Bộ, bờ biển Nam Trung Bộ, các hệ sinh thái các VQG (Yok Đôn, Cát Tiên, Tràm Chim – Đồng Tháp, U Minh, Côn Đảo). Các vùng chuyên canh cây công nghiệp cao su, cà phê, hồ tiêu.

### IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

#### 1. Phần mở đầu

GV giới thiệu vị trí, tác động của dải núi Bạch Mã và đèo Hải Vân.

GV cho HS nhận xét câu thơ sau đây của nhà thơ Tản Đà :

"Hải Vân đèo lớn vừa qua

Mưa xuân ai đã đổi ra nắng hè".

Và rút ra nhận xét :

- Bạch Mã là dải núi khá cao (đỉnh núi 1444 m), hướng tây – đông, nằm trên vĩ tuyến 16<sup>o</sup>B.

- Bạch Mã trở thành ranh giới tự nhiên rõ rệt giữa các miền tự nhiên phía bắc và phía nam nước ta.

GV bắt vào lời giới thiệu của SGK : Phía nam dãy núi Bạch Mã là một miền tự nhiên nhiệt đới gió mùa điển hình. Thiên nhiên ở đây khác biệt rõ rệt so với hai miền tự nhiên phía bắc.

## **2. Phạm vi lãnh thổ**

Dựa vào bản đồ tự nhiên Việt Nam hoặc bản đồ miền, GV hướng dẫn HS nhận biết phạm vi chung và xác định các khu vực Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ (không yêu cầu xác định rõ ranh giới tự nhiên). Xét về hành chính, miền có 32 tỉnh và thành phố, tổng diện tích là 165 000 km<sup>2</sup>. Chiếm gần 1/2 diện tích cả nước (xem lại bảng 23.1).

## **3. Giảng dạy mục 2 : Một miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm có mùa khô sâu sắc**

GV yêu cầu HS đưa ra các số liệu khí hậu (nhiệt, mưa, ẩm và các mùa) để chứng minh cho nhận xét trên. GV cũng lưu ý HS về tác động to lớn của khí hậu đó tới toàn bộ cảnh quan tự nhiên của miền Nam nước ta – cảnh quan của đới rừng gió mùa á xích đạo.

- GV cho HS trao đổi, thảo luận để giải thích hai câu hỏi trong SGK
- + Vì sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt ít biến động và không có mùa đông lạnh như hai miền phía bắc ? (Trả lời : Do tác động của gió mùa đông bắc đã giảm sút mạnh mẽ. Tín phong đông bắc khô nóng và gió mùa tây nam nóng ẩm đóng vai trò chủ yếu. GV nhắc HS xem lại bài 31, 32).
- + Vì sao mùa khô ở miền Nam diễn ra gay gắt hơn so với hai miền ở phía bắc ? (do mùa khô ở miền Nam thời tiết nắng nóng, ít mưa, độ ẩm nhỏ, khả năng bốc hơi rất lớn vượt xa lượng mưa).

## **4. Giảng dạy mục 3 : Trường Sơn Nam hùng vĩ và đồng bằng Nam Bộ rộng lớn**

GV nên sử dụng băng, đĩa hình hoặc tranh ảnh về cảnh quan khu vực cho HS xem và rút ra nhận xét về địa hình và cảnh quan tự nhiên ở đây.

- GV sử dụng bản đồ miền này để xác định các địa danh :

Các đỉnh núi : Ngọc Linh, Vọng Phu, Chư Yang Sin

Các cao nguyên : Kon Tum, Plây Ku, Đắc Lắc, Lâm Viên, Di Linh, Mơ Nông

- Phân đồng bằng Nam Bộ, GV cho HS so sánh với đồng bằng Bắc Bộ. GV có thể cho HS làm bài tập trắc nghiệm sau đây :

Em hãy ghép các đặc tính sau đây cho phù hợp với tính chất tự nhiên của từng đồng bằng :

- a- Có hệ thống đê lớn ngăn lũ
- b- Có nhiều ô trũng nhân tạo
- c- Có nhiều cồn cát ven biển
- d- Có khí hậu nhiệt đới gió mùa
- e- Có mùa khô ít mưa
- g- Có đất phù sa chua, mặn, phèn
- h- Có mùa đông lạnh
- i- Có nhiều bão
- k- Có lũ lụt hàng năm

1- Đồng bằng châu thổ sông Hồng có (ví dụ a, b...)

2- Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long có (ví dụ e, g...)

Để làm được bài tập này GV cho HS xem lại hình 29.2 và hình 29.3 SGK hoặc quan sát hai khu vực đồng bằng trên bản đồ tự nhiên Việt Nam.

#### **5. Giảng dạy mục 4 : Tài nguyên phong phú và tập trung, dễ khai thác**

Các tài nguyên có quy mô lớn, chiếm tỉ trọng cao so với cả nước là :

- Diện tích đất phù sa
- Diện tích đất đỏ badan
- Diện tích rừng
- Trữ lượng dầu khí
- Quặng bôxít

Đây là một nguồn lực to lớn giúp cho kinh tế miền Nam cũng như cả nước phát triển mạnh mẽ.

#### **V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ**

Trả lời bài tập 3 : Lập bảng so sánh ba miền tự nhiên Việt Nam

Cần nêu được các ý chính sau đây : M1 (miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ), M2 (miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ), M3 (miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ)

<b>Miền</b> <b>Yếu tố</b>	<b>M1</b>	<b>M2</b>	<b>M3</b>
Địa chất Địa hình	– Miền nền cổ, núi thấp, hướng vòng cung là chủ yếu	– Miền địa máng, núi cao, hướng tây bắc - đông nam là chủ yếu	– Miền nền cổ, núi và cao nguyên hình khối, nhiều hướng khác nhau
Khí hậu Thuỷ văn	– Lạnh nhất cả nước, mùa đông kéo dài – Sông Hồng, sông Thái Bình, sông Kì Cùng... mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10.	– Mùa đông lạnh do núi cao và gió mùa đông bắc – Sông Đà, sông Mã, sông Cả... mùa lũ (Bắc Trung Bộ) từ tháng 9 đến tháng 12	– Nóng quanh năm, lạnh do núi cao – Sông Mê Công, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ lũ từ tháng 7 đến tháng 11, kênh rạch nhiều
Đất – Sinh vật	– Đất feralit đỏ vàng, đất đá vôi. – Rừng nhiệt đới và á nhiệt đới với nhiều loài ưa lạnh á nhiệt đới	– Có nhiều vành đai thổ nhưỡng, sinh vật từ nhiệt đới tới ôn đới núi cao. – Nhiều loài ưa khô và lạnh núi cao	– Nhiều đất đỏ và đất phù sa. Sinh vật nhiệt đới phương Nam. Rừng ngập mặn phát triển
Bảo vệ môi trường	– Chống rét, hạn, bão, xói mòn đất, trồng cây, gây rừng.	– Chống bão, lũ, hạn hán, xói mòn đất, gió Tây khô nóng, cháy rừng.	– Chống bão, lũ, hạn hán, cháy rừng, chống mặn, phèn. – Chung sống với lũ